TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 24 – 04 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Học và ông Lê Xuân Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Khuất Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 21/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2023/QĐ-HNGĐ ngày 07/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992. Nơi thường trú: Thôn Bảo Lộc 2, xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội; nơi ở hiện nay: Thôn Võng Nội, xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1987. Nơi thường trú: Thôn Bảo Lộc 2, xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn trình bày: Chị T và anh Nguyễn Hữu T1 tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 08/3/2012 tại UBND xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ. Sau khi kết hôn, chị về gia đình anh T1 làm ăn, chung sống. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T1 không chịu tu chí làm ăn mà anh thường xuyên rượu chè, cờ bạc, lô đề. Vợ chồng làm

được đồng nào thì anh T1 lấy tiền đi chơi cờ bạc hết. Chị và gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T1 không thay đổi. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Cuộc sống vợ chồng rất căng thẳng, anh Thắn cũng không quan tâm gì đến vợ và các con. Từ tháng 06/2022, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T1 và xin ly hôn anh T1 để ổn định cuộc sống cho cả hai bên.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 08/9/2012 và cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 10/7/2015. Hiện cả 02 con đều đang ở cùng chị. Ly hôn, chị xin được nuôi cả 2 con và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

* Bị đơn là anh Nguyễn Hữu T1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ đến Tòa án và đến phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng anh T1 đều vắng mặt không có lý do.

* Kết quả xác minh tại địa phương: Những người thân thích bên gia đình anh T1 hiện không sinh sống tại địa phương mà đi làm kinh tế ở nơi khác. Nhà đất trước đây vợ chồng anh T1 sinh sống, hiện nay chỉ có mình anh T1 đang ở. Chị T cùng các con đã về gia đình bên ngoại từ tháng 6/2022. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T1 và chị T là do anh T1 thường xuyên uống rượu, say xỉn cả ngày, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 6/2022, chị T cùng các con đã không sống cùng nhà với anh T1 nữa. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của chị Trang đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn bị đơn thì chưa thực hiện đúng.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị Thương được ly hôn anh Nguyễn Hữu T1. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 08/9/2012 và cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 10/7/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Hữu T1 cho đến khi có yêu cầu mới. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Hữu T1 thường trú tại xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ và quan hệ tranh chấp về ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã thụ lý vụ án theo đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T và đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật đối với các bên đương sự trong vụ án. Anh Nguyễn Hữu T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án làm việc nhưng đều vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hữu T1 xác lập trên cơ sở kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ nên xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi kết hôn, chị T và anh T1 chung sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T1 không tu chí làm ăn, không chia sẻ công việc chung trong gia đình cùng chị T, ham chơi đỏ đen, thường xuyên uống rượu say sỉn dẫn đến kinh tế gia đình sa sút. Chị T và gia đình đã khuyên can nhưng anh T1 không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2022 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng và xin được ly hôn anh T1. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 không còn gắn bó, vợ chồng đã sống ly thân, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn anh T1 là có căn cứ.

Về con chung: Anh T1 và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 08/9/2012 và cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 10/7/2015 hiện đang ở với cùng chị T. Ly hôn, chị T xin tiếp tục trực tiếp nuôi cả 02 con. Xét thấy, kể từ khi chị T, anh T1 sống ly thân, cháu Hoàng và cháu Nguyên được chị T nuôi dưỡng, chăm sóc khỏe mạnh. Cháu Hoàng và cháu Nguyên đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, giao cả 02 con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng vào thời điểm hiện tại sẽ phù hợp hơn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T1 cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Về tài sản chung và nợ: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai. Tuy nhiên, hồ sơ không có ý kiến của anh T1 về các quan hệ này. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự, Tòa án không giải quyết về tài sản chung và nợ trong vụ án này.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hữu T1.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 08/9/2012 và cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 10/7/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

1.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Hữu T1 cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.4. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042008 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- TAND thành phố Hà Nội;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã Thọ Lộc, huyện Phúc Thọ;
- Lưu HS, VP.

Hoàng Đức Hiếu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN TÒA

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Hoàng Đức Hiếu